

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐỊNH HOÀ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1749/QĐ-UBND

Định Hoà, ngày 09 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai thực hiện dự toán ngân sách nhà nước
6 tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Định Hoà**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỊNH HOÀ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết 48/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Định Hoà về dự toán ngân sách nhà nước trên địa bàn và dự toán thu - chi ngân sách ngân sách năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết 49/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Định Hoà về phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2299/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh An Giang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 đối với các xã;

Căn cứ Nghị quyết 27/NQ-HĐND ngày ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Định Hoà về giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết 28/NQ-HĐND ngày ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Định Hoà về phân bổ dự toán dự toán chi ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 3715/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Định Hoà về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 3716/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Định Hoà về việc phân bổ dự toán dự toán chi ngân sách



địa phương năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình số 133/TTr-PKT ngày 09 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Định Hoà (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã Định Hoà, Phòng Kinh tế xã tổ chức thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận

- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- UB MTTQ Việt Nam xã;
- Các phòng trực thuộc xã;
- Các trường trực thuộc xã;
- Lưu: VT, nkluen.

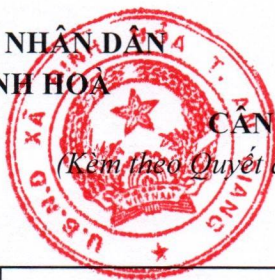
CHỦ TỊCH



Ngô Thanh Hùng



ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐỊNH HOÀ



Biểu số 113/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1749/QĐ-UBND ngày 09/7/2026 của UBND xã Định Hoà)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	229.193.000	129.277.251	56
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	110.000	103.800	94
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	6.767.000	5.302.124	78
3	Thu bổ sung	222.316.000	96.481.350	43
	- Thu bổ sung cân đối	165.206.000	55.068.000	33
	- Thu bổ sung có mục tiêu	43.837.000	41.413.350	94
	- Nguồn CCTL	13.273.000		
4	Thu chuyển nguồn		27.389.977	
II	TỔNG SỐ CHI	229.193.000	110.647.773	48
1	Chi đầu tư phát triển	637.000	5.567.068	874
2	Chi thường xuyên	224.322.000	105.080.705	47
3	Dự phòng	4.234.000		-



ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐỊNH HOÀ

Biểu số 114/CK TC - NSNN

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 1749/QĐ-UBND ngày 09/7/2026 của UBND xã Định Hoà)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		THỰC HIỆN 6 THÁNG		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu ngân sách xã	9.820.000	229.193.000	6.941.184	129.277.251	70,68	56
A	Thu ngân sách xã đã qua Kho bạc	9.820.000	229.193.000	6.941.184	129.277.251	70,68	56
I	Các khoản thu 100%	4.150.000	4.020.000	2.509.061	2.381.857	60,46	59
1	Phí, lệ phí	160.000	50.000	205.801	100.407	129	201
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo Nghị quyết Hội đồng nhân dân xã						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước						
8	Các khoản thu khác	80.000	60.000	25.202	3.392	31,50	5,65
9	Lệ phí trước bạ nhà, đất	3.910.000	3.910.000	2.278.058	2.278.058	58	58
10	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh						
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (1)	5.670.000	2.857.000	4.432.123	3.024.067	78,17	106
1	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
3	Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp	2.240.000	2.220.000	3.054.533	3.011.342	136	136
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.360.000		1.356.690			
5	Thu tiền sử dụng đất	1.070.000	637.000	20.900	12.725		2
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						



IV	Thu chuyển nguồn ngân sách				27.389.977		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		222.316.000		96.481.350		43
1	Bổ sung cân đối ngân sách		165.206.000		55.068.000		33
2	Bổ sung có mục tiêu		43.837.000		41.413.350		94
			13.273.000				



ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐỊNH HOÀ



Biểu số 115/CK TC-NSNN

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1749/QĐ-UBND ngày 09/7/2026 của UBND xã Định Hoà)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM			ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	10=6/3
	TỔNG CHI	229.193.000	637.000	228.556.000	110.647.773	5.568.067	105.079.706	48,28	874,11	45,98
	Trong đó	229.193.000	637.000	228.556.000	110.647.773	5.568.067	105.079.706	48,28	874,11	45,98
1	Chi giáo dục	116.462.400		116.462.400	51.391.046		51.391.046	44,13		44,13
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	-			-					
3	Chi y tế	-			2.459.371		2.459.371			
4	Chi văn hóa, thông tin	315.000		315.000	59.000		59.000	18,73		18,73
5	Chi phát thanh, truyền thanh	180.000		180.000	-			-		-
6	Chi thể dục thể thao	315.000		315.000	13.760		13.760	4,37		4,37
7	Chi bảo vệ môi trường	2.700.000		2.700.000	650.465		650.465	24,09		24,09
8	Chi các hoạt động kinh tế	19.697.000	637.000	19.060.000	10.212.088	5.568.067	4.644.021	51,85	874,11	24,37
9	Chi Quốc phòng	1.928.700		1.928.700	2.280.045		2.280.045	118,22		118,22
10	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội	2.675.700		2.675.700	1.987.196		1.987.196	74,27		74,27
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	44.810.200		44.810.200	23.425.000		23.425.000	52,28		52,28
13	Chi cho công tác đảm bảo xã hội	31.250.000		31.250.000	18.169.802		18.169.802	58,14		58,14
14	Chi khác	4.625.000		4.625.000	-			-		-
15	Dự phòng ngân sách	4.234.000		4.234.000	-			-		-